

Số 4880/TB-HĐKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

**THÔNG BÁO ĐIỂM KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NĂM 2020**

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 thông báo điểm kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 như sau:

1. Thông báo điểm các bài kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 (có Danh sách kèm theo). Danh sách điểm các bài kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Trang thông tin điện tử trợ giúp pháp lý Việt Nam và gửi bằng văn bản đến các cơ quan cử viên chức dự thi.

Đề nghị Quý cơ quan thông báo kết quả kiểm tra tới những người tham dự kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình.

2. Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại Thông báo này, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự TGPL có nhu cầu phúc tra bài kiểm tra viết của mình có quyền làm đơn đề nghị phúc tra (theo mẫu kèm theo Thông báo này) gửi về Chủ tịch Hội đồng kiểm tra (thông qua Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp - số 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 29/12/2020.

Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 không giải quyết phúc tra đối với: Bài kiểm tra thực hành hoặc các Đơn đề nghị phúc tra nhận được sau thời hạn quy định (Tính theo ngày đơn thư đến văn thư của Cục Trợ giúp pháp lý).

Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 thông báo để các cơ quan và người tham dự kiểm tra biết và thực hiện. /.

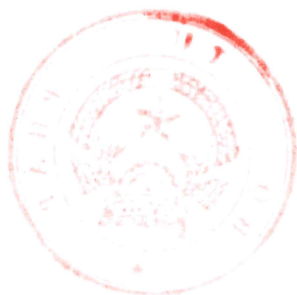
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Lưu: VT, HĐKT, TGPL.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH**



**CỤC TRƯỞNG
CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
Cù Thu Anh**



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

DANH SÁCH
ĐIỂM KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 488/Q/TB-HĐKT ngày 29 tháng 12 năm 2020)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm bài kiểm tra viết	Ghi chú
1.	Linh Thị An	09/09/1986	Cao Bằng	TS01	64	50	
2.	Bùi Thúy An	14/07/1993	Điện Biên	TS02	74	53,75	
3.	Lê Đình An	12/04/1991	Quảng Bình	TS03	50	70	
4.	Đỗ Minh Ánh	03/08/1981	Hung Yên	TS04	50	52,5	
5.	Hoàng Văn Bàn	24/05/1984	Lào Cai	TS05	55	42	
6.	Đặng Thị Bình	22/12/1980	Yên Bái	TS06	89	57	
7.	Nguyễn Đình Cường	16/12/1991	Gia Lai	TS07	65	60	
8.	Lê Thanh Điền	08/08/1981	Tây Ninh	TS08	76,5	54	
9.	Khuông Thanh Điền	31/05/1980	Thái Nguyên	TS09	51,5	51,25	
10.	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/04/1984	Bình Định	TS10	50,5	53,5	
11.	Nguyễn Hải Dương	15/06/1985	Cà Mau	TS11	58,5	55	
12.	Thái Thị Duyên	1992	Bạc Liêu	TS12	83,5	75,5	
13.	Trần Thị Nu Ga	13/11/1986	Quảng Bình	TS13	79	56,5	
14.	Hoàng Thị Thu Hà	15/12/1990	Bắc Kạn	TS14	67	60	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm bài kiểm tra viết	Ghi chú
15.	Lâm Thị Hân	1986	Bạc Liêu	TS15	67	70	
16.	Lê Thị Mỹ Hằng	26/04/1983	Tiền Giang	TS16	65	53	
17.	Phương Tiến Hạnh	17/01/1982	Lạng Sơn	TS17	65	58	
18.	Mai Thị Hạnh	15/09/1992	Đắk Nông	TS18	60	55	
19.	Dương Thị Hiền	03/08/1981	Hà Nội	TS19	60	52,5	
20.	Trần Trung Hiếu	16/10/1990	Quảng Ngãi	TS20	65	58	
21.	Kim Thị Mỹ Hoa	29/09/1989	Trà Vinh	TS21	73	62,5	
22.	Võ Thị Hoài	07/12/1980	Nghệ An	TS22	65	60	
23.	Đàm Thị Hoài	06/07/1992	Hà Nội	TS23	66,5	54,5	
24.	Cao Thị Minh Hoài	13/08/1987	Quảng Bình	TS24	72	44	
25.	Lục Thị Hoan	22/04/1985	Cao Bằng	TS25	71,5	51,5	
26.	Nguyễn Minh Hoàng	07/02/1979	Hà Giang	TS26	76	51	
27.	Lê Ngọc Hoàng	04/06/1987	Thanh Hóa	TS27	71,5	65	
28.	Phan Thị Minh Hồng	27/03/1988	Thái Bình	TS28	79,5	60	
29.	Vương Thị Minh Huệ	28/07/1990	Hà Giang	TS29	77	64,5	
30.	Nguyễn Đức Hùng	26/05/1978	Gia Lai	TS30	70,5	45,75	
31.	Nguyễn Thị Hồng Hường	12/06/1990	Đắk Lắk	TS31	72,5	68	
32.	Hồ Văn Huy	09/06/1986	Bình Định	TS32	79	61,75	
33.	Phạm Thị Hoa Huỳnh	03/03/1992	Lào Cai	TS33	81,5	62	
34.	Lý Ngọc Kiều	01/08/1992	Yên Bái	TS34	80	70	
35.	Nguyễn Thị	30/03/1981	Hà	TS35	68,5	55	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm bài kiểm tra viết	Ghi chú
	Lan		Giang				
36.	Mai Thị Thanh Liêm	02/09/1990	Điện Biên	TS36	78	65	
37.	Nguyễn Hải Linh	12/10/1986	Bắc Giang	TS37	70	56,75	
38.	Nguyễn Ngọc Linh	03/05/1983	Yên Bái	TS38	79	58	
39.	Lưu Thùy Linh	30/12/1991	Hà Nội	TS39	74,5	59,75	
40.	Lục Thùy Linh	03/11/1990	Hà Giang	TS40	73,5	52,5	
41.	Lâm Thị Mai	01/01/1980	Hậu Giang	TS41	77	50,5	
42.	Thạch Thị Rách Xa Na	05/02/1990	Sóc Trăng	TS42	77,5	59,5	
43.	Nguyễn Thị Na	25/11/1986	Đắk Lắk	TS43	66,5	58,5	
44.	Hoàng Thị Nga	26/01/1987	Quảng Bình	TS44	79,5	61	
45.	Phạm Thế Nghĩa	25/08/1991	Tuyên Quang	TS45	77,5	53	
46.	Lò Thị Thúy Ngọc	18/02/1992	Lào Cai	TS46	90	57	
47.	Đỗ Thị Ngọc	18/02/1984	Lào Cai	TS47	71	56,5	
48.	Trần Như Ngọc	10/05/1992	Cà Mau	TS48	70,5	60	
49.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/12/1990	Hà Nội	TS49	81,5	76,5	
50.	Hoàng Thị Hà Nhi	07/06/1989	Quảng Bình	TS50	71	68	
51.	Nguyễn Quang Phong	09/03/1971	Hà Nội	TS51	82,5	52,5	
52.	Mai Thị Thùy Phú	06/09/1991	Quảng Bình	TS52	78	59,75	
53.	Nguyễn Văn Phương	06/05/1988	Bắc Giang	TS53	65	56,5	
54.	Võ Chúc Phương	07/07/1992	Bạc Liêu	TS54	82,5	58	
55.	Ngô Kim Phụng	20/04/1985	Cà Mau	TS55	73,5	55,75	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm bài kiểm tra viết	Ghi chú
56.	Vi Khánh Phượng	15/04/1989	Thái Nguyên	TS56	71	65	
57.	Hà Thanh Quang	15/10/1987	Lào Cai	TS57	82,5	51	
58.	Nguyễn Thị Sang	27/12/1993	Phú Thọ	TS58	86	54,25	
59.	Mai Thành Tâm	05/04/1991	Bến Tre	TS59	68	66	
60.	Phạm Minh Tâm	1982	An Giang	TS60	65	54	
61.	Bùi Quang Thắng	17/02/1985	Gia Lai	TS61	80,5	51,5	
62.	Hà Thị Hoài Thanh	26/03/1991	Quảng Bình	TS62	75,5	59,25	
63.	Thạch Thị Quất Thi	10/03/1990	Trà Vinh	TS63	70,5	63,5	
64.	Huỳnh Ngọc Thông	13/12/1984	Kiên Giang	TS64	85	55,75	
65.	Bạch Quốc Thống	20/04/1979	Sóc Trăng	TS65	79	42,75	
66.	Hà Thị Thuận	27/02/1986	Điện Biên	TS66	81	50	
67.	Nguyễn Thị Bích Thủy	13/03/1976	Phú Thọ	TS67	88	55,25	
68.	Huỳnh Diệp Huyền Trang	22/05/1987	Phú Yên	TS68	78,5	59	
69.	Phạm Thị Trang	17/02/1995	Thanh Hóa	TS69	80	62,5	
70.	Thạch Thị Triêng	1985	Trà Vinh	TS70	83	61	
71.	Nguyễn Công Trữ	14/03/1984	Gia Lai	TS71	81,5	58,5	
72.	Nông Đức Trung	06/10/1984	Yên Bái	TS72	79,5	57	
73.	Phạm Nguyễn Thành Trung	05/01/1987	Tiền Giang	TS73	78	53	
74.	Phạm Thanh Tùng	26/03/1991	Thanh Hóa	TS74	81	55,25	
75.	Lê Thị Tươi	01/09/1993	Quảng Nam	TS75	80,5	52,75	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm bài kiểm tra viết	Ghi chú
76.	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	09/12/1989	Khánh Hòa	TS76	81	68	
77.	Huỳnh Văn Vàng	08/04/1988	Bạc Liêu	TS77	82	64	

182

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM PHÚC TRA BÀI KIỂM TRA VIẾT

Kính gửi: Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020

Tôi tên là:

Sinh ngày:

Số báo danh:

Đơn vị công tác:

Căn cứ Thông báo số /TB-HĐKT ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 về việc thông báo điểm kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020, tôi có bài kiểm tra viết là điểm.

Nay tôi làm đơn đề nghị phúc tra bài kiểm tra viết nêu trên.

Kính đề nghị Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020 xem xét, chấm phúc tra bài kiểm tra viết theo đề nghị của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Kính đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

